

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 15 /2023/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Giá năm 2012; Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1025/TTr-SNNPTNT ngày 20/3/2023 và Báo cáo thẩm định số 248/BC-STP ngày 13/9/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2023.

Quyết định số 3026/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các Ông, (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Du lịch, Văn hóa và Thể

thao, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: NNPTNT, TC (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Q.CT, P4 UBND tỉnh (b/c);
- V0, V1, V2, NLN1, 3, TM3, 5, 6;
- Lưu: VT, NLN3 (03b, QĐ52).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Diện

QUY ĐỊNH

Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 15/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định khung giá rừng và phương pháp định giá rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến phương pháp định giá rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các trường hợp sử dụng khung giá rừng để định giá rừng

- Nhà nước giao rừng, tổ chức đấu giá quyền sử dụng rừng, cho thuê rừng; tính giá trị rừng khi thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- Nhà nước thu hồi rừng, thanh lý rừng; xác định giá trị góp vốn; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước (chuyển nhượng vốn).
- Xác định giá trị phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng; thiệt hại do thiên tai, cháy rừng và các thiệt hại khác đối với rừng; xác định giá trị rừng phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan tới rừng.
- Xác định thuế, phí và lệ phí liên quan đến rừng.
- Các trường hợp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

KHUNG GIÁ CÁC LOẠI RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

Điều 4. Xác định khung giá rừng

1. Khung giá rừng được xác định bằng phương pháp định giá chung đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Bảng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

a) Khung giá các loại rừng cho từng huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, cụ thể:

Phụ lục 01: Khung giá rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Phụ lục 02: Khung giá rừng trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Hướng dẫn chi tiết sử dụng Khung giá rừng để định giá lô rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được thể hiện cụ thể:

Phụ lục 03: Hướng dẫn thực hiện Khung giá rừng tỉnh Quảng Ninh.

Điều 5. Điều chỉnh giá các loại rừng

Khung giá rừng được xem xét điều chỉnh trong trường hợp có biến động tăng hoặc giảm trên 20% so với giá quy định hiện hành liên tục trong thời gian sáu (06) tháng trở lên hoặc trong trường hợp cụ thể cần phải điều chỉnh, bổ sung Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh khung giá rừng cho phù hợp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, chủ rừng và các đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để áp dụng theo quy định.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan về định giá rừng.

c) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh khung giá rừng khi có biến động về giá theo quy định hiện hành hoặc trong trường hợp cụ thể cần phải điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

d) Căn cứ kết quả phê duyệt Quy định khung giá rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ: Lập đề án “Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” theo quy định.

e) Tổ chức kiểm tra, xử lý những vấn đề liên quan đến định giá rừng.

f) Tổng hợp những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc thu và quản lý sử dụng nguồn thu từ việc giao rừng, cho thuê rừng, bồi thường rừng, thu hồi rừng theo các quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có quản lý rừng trong việc xác định giá trị doanh nghiệp và một số nội dung có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp gắn liền với giao rừng, cho thuê rừng.

4. Cục Thuế tỉnh

Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển đến để xác định thuế, phí và lệ phí liên quan đến rừng.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân đúng trình tự, thủ tục; triển khai thực hiện các quyết định giao rừng, cho thuê rừng, nghĩa vụ tài chính của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện thẩm quyền về giao rừng, cho thuê rừng; quyết định giá cho thuê rừng và ký hợp đồng thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện trên cơ sở Quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh đã được ban hành; thu hồi quyết định cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

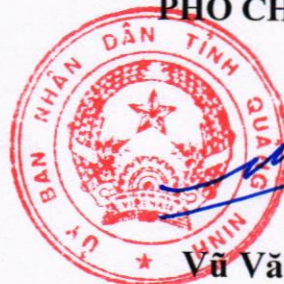
c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tổ chức triển khai quyết định giao rừng, cho thuê rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tổ chức trên địa bàn; phối hợp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, nội dung, tiến độ dự án đầu tư có liên quan đến phát triển, bảo vệ rừng của tổ chức đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận.

d) Chỉ đạo việc lưu trữ, theo dõi hồ sơ cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân; báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung trong toàn tỉnh.

6. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trong quá trình triển khai thực hiện khung giá rừng tại quy định này.

7. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc xác định và áp dụng khung giá, giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện những nội dung có liên quan tại quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Điện